

Số: 01/2026/QĐST-DS

L, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST- DS ngày 05/11/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Nguyên đơn:* Anh Lò Văn K, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 021, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 18, phường Tân P, tỉnh L

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn M, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ngõ 3, đường Tôn Đức Thắng, Tổ dân phố Quyết T, phường Đoàn K, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lò Thị V, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số nhà 021 đường Nguyễn Tri Phương, tổ 18, phường Tân P, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về số tiền phải thanh toán:

Anh Lưu Văn M phải trả cho anh Lò Văn K số tiền là 150.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Trong trường hợp anh Lưu Văn M trả số tiền trên không đầy đủ, không đúng hạn theo thỏa thuận, thì anh Lưu Văn M tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình anh K với số tiền là

54.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng chẵn*).

2.2. Về phương án trả tiền cụ thể, các bên thoả thuận như sau:

a. Về phương án trả tiền:

- Đối với tiền 150.000.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), anh M trả làm 02 đợt:

+ Đợt 1: Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 trả số tiền 75.000.000 đồng (*bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*).

+ Đợt 2: Chậm nhất đến ngày 31/12/2026 trả nốt số tiền 75.000.000 đồng. (*bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*).

b. Phương thức thanh toán: Anh Lưu Văn M chuyển khoản vào tài khoản của chị Lò Thị V tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh tỉnh L. Trong trường hợp anh Lò Văn K và chị Lò Thị V có thay đổi về tài khoản nhận tiền sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh Lưu Văn M biết.

Trong trường hợp anh Lưu Văn M vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả tiền nào theo thoả thuận, thì anh Lò Văn K có quyền làm đơn gửi cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu anh Lưu Văn M thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả tiền còn nợ lại tính đến thời điểm anh Lưu Văn M vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải chịu tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 5.100.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu một trăm nghìn đồng chẵn*). Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thoả thuận:

Nguyên đơn anh Lò Văn K phải chịu số tiền 2.550.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (*bằng chữ: Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số: 0000260 ngày 05/11/2025 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- L. Xác nhận nguyên đơn anh Lò Văn K đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn anh Lò Văn K số tiền 1.200.000 đồng (*số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000260 ngày 05/11/2025 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- L.

Bị đơn anh Lưu Văn M phải chịu số tiền 2.550.000 (*Số tiền bằng chữ: Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1- L;
- Phòng THADS khu vực 1- L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết